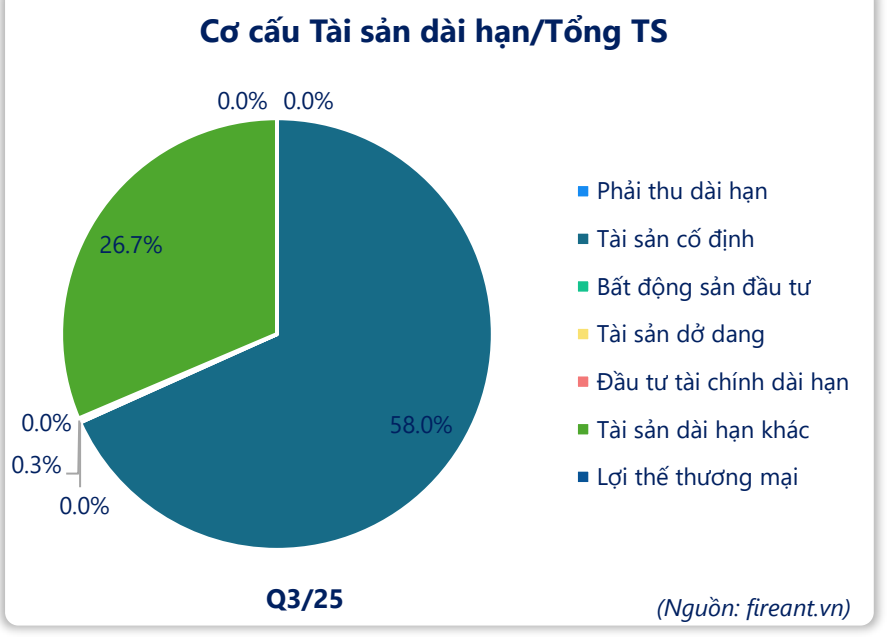
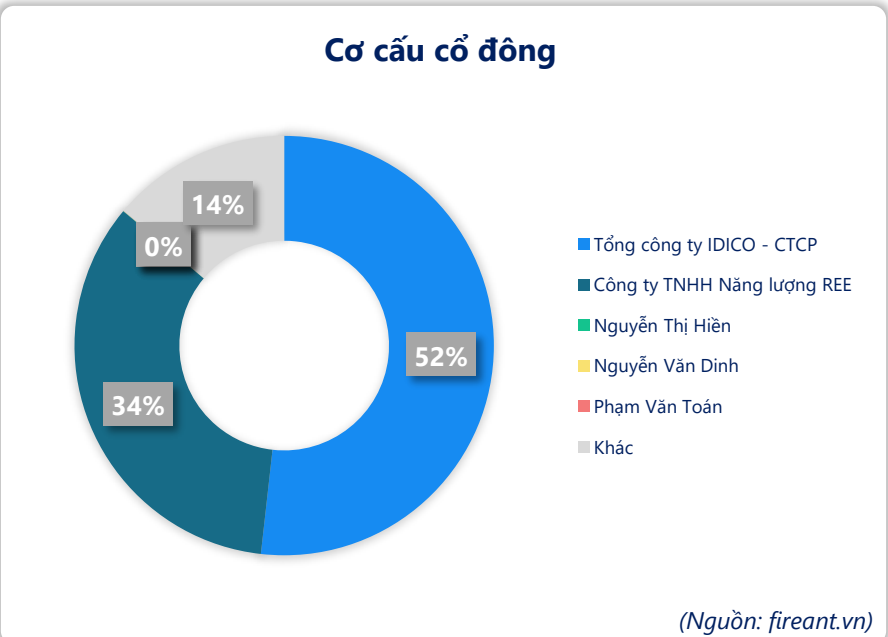
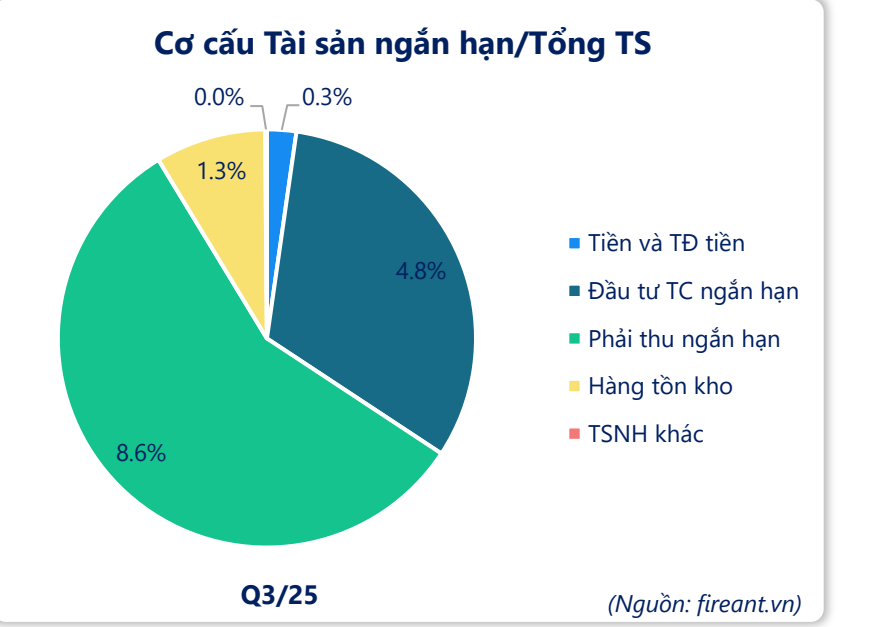
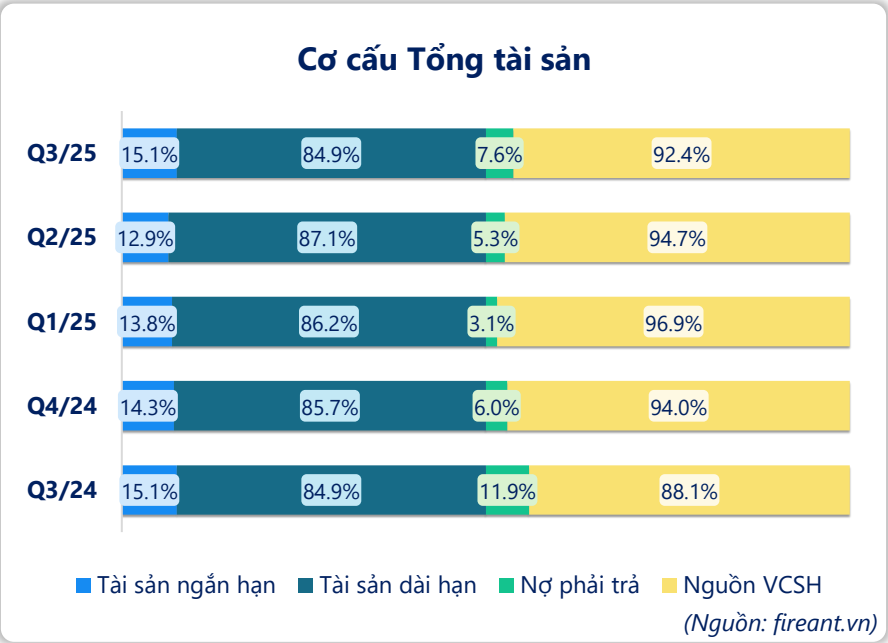
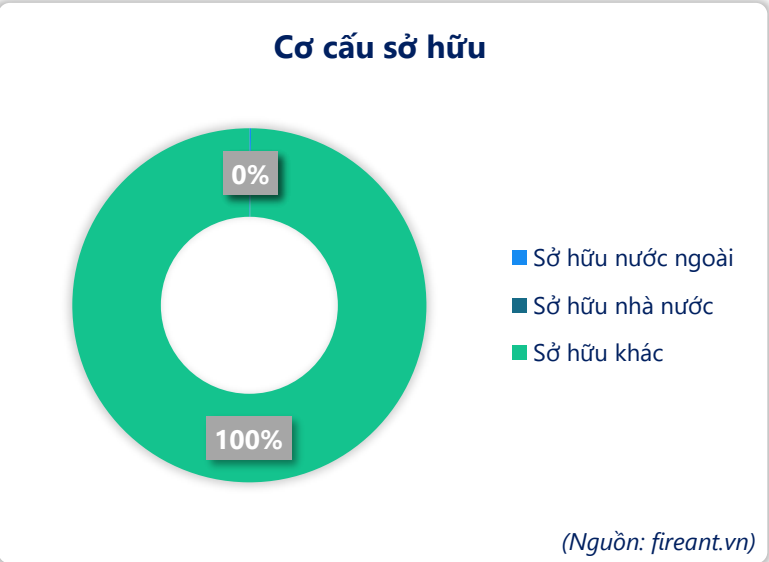
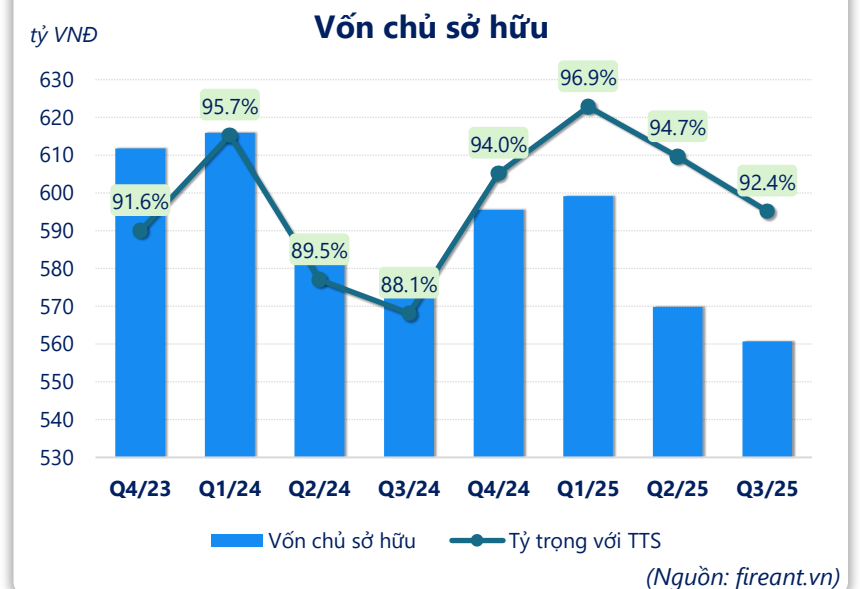
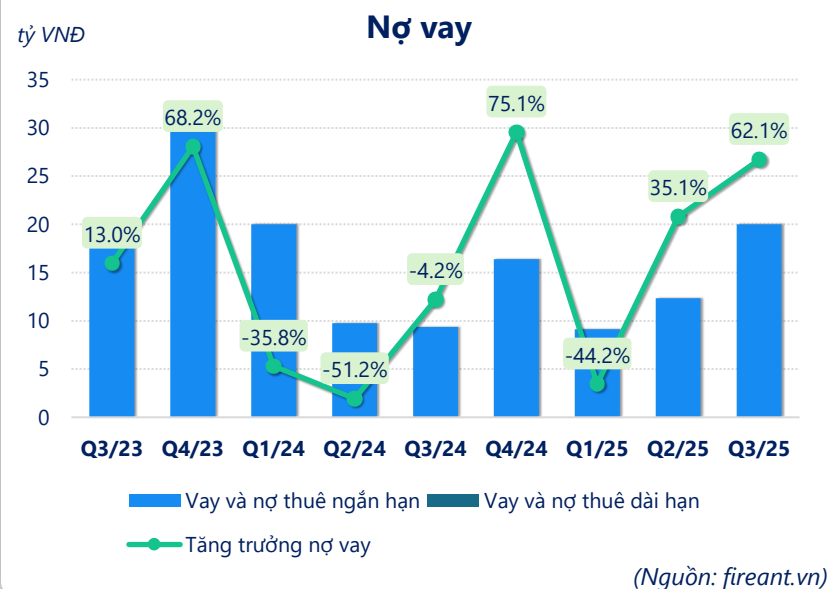
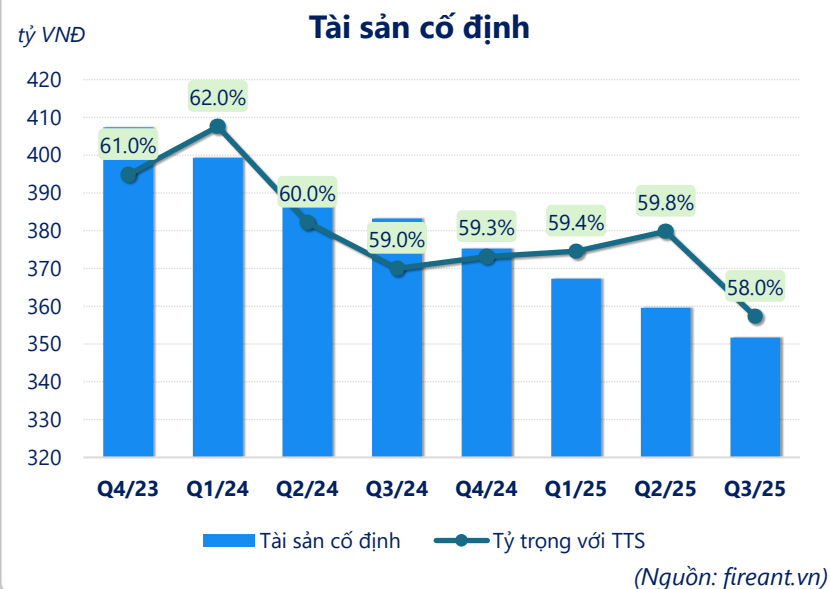
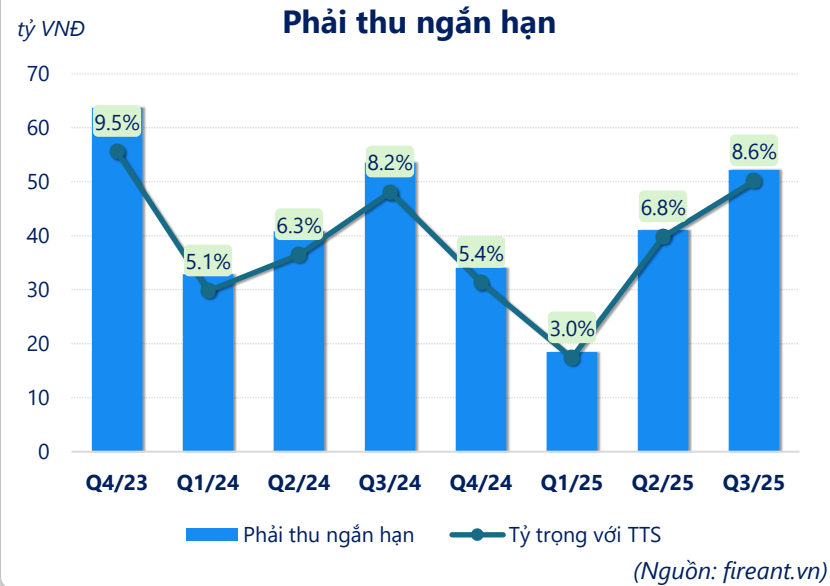
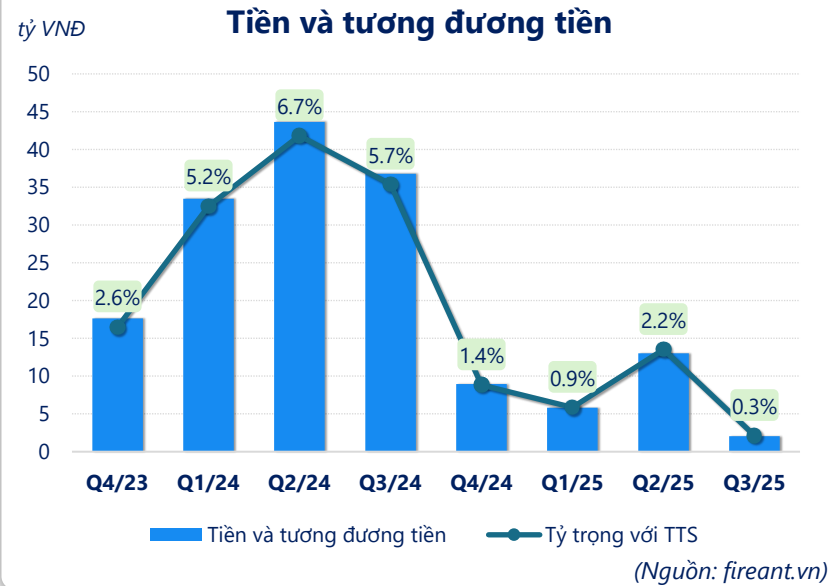
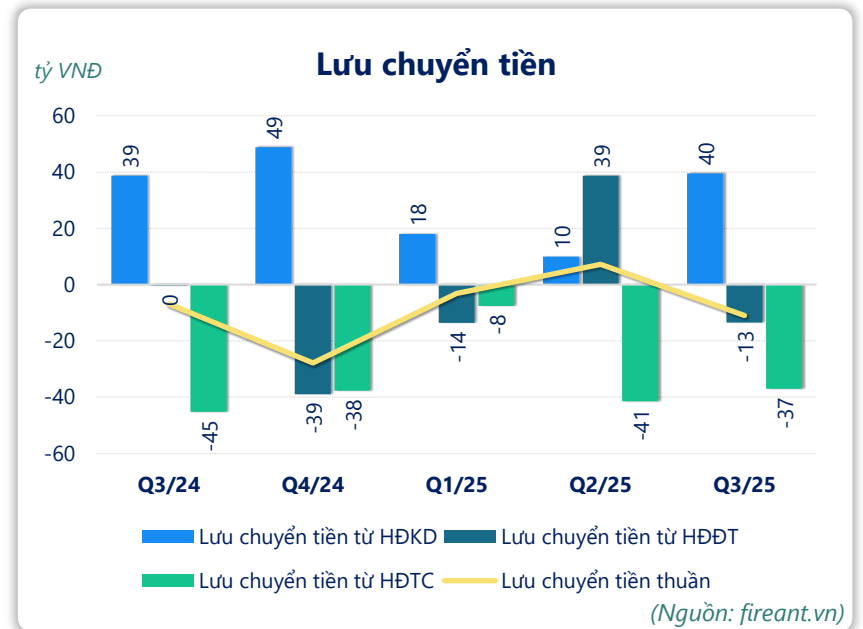
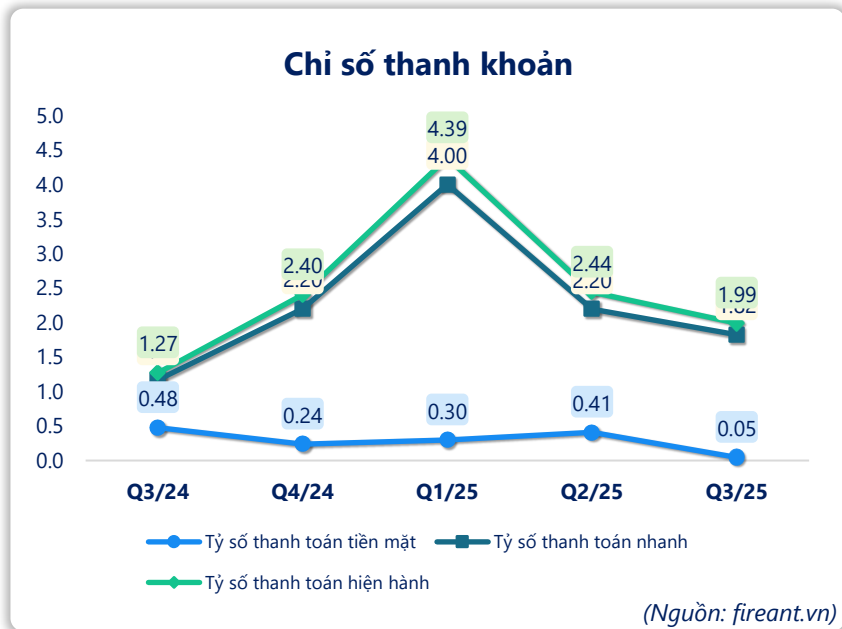
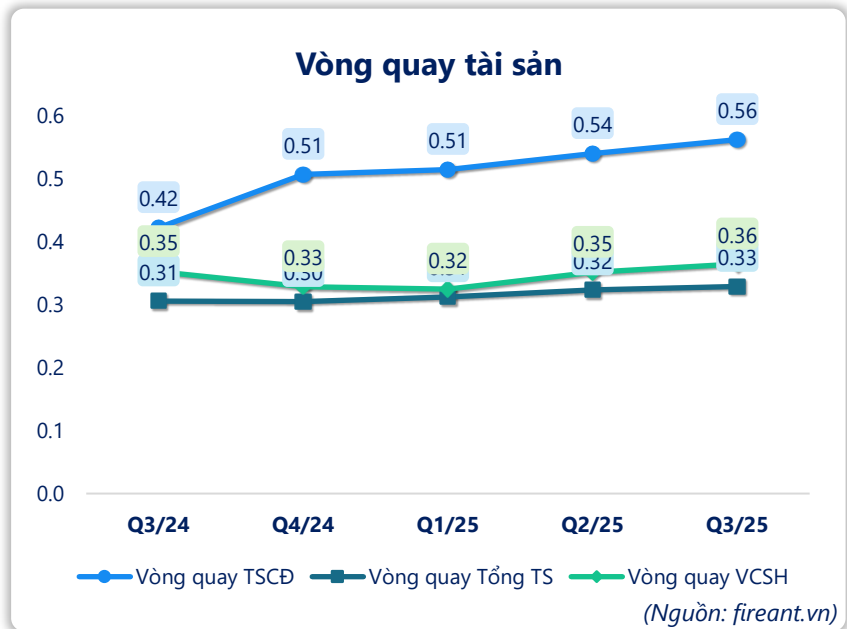
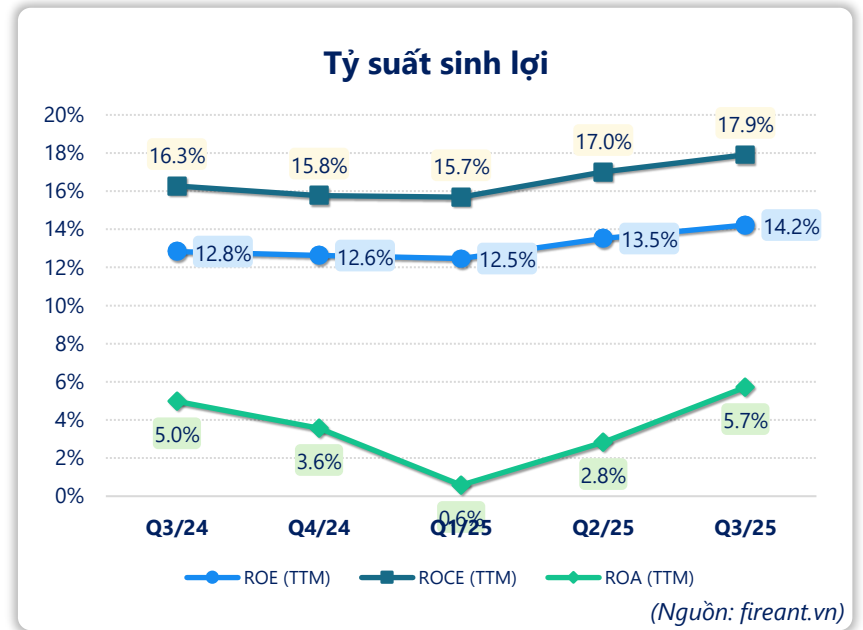
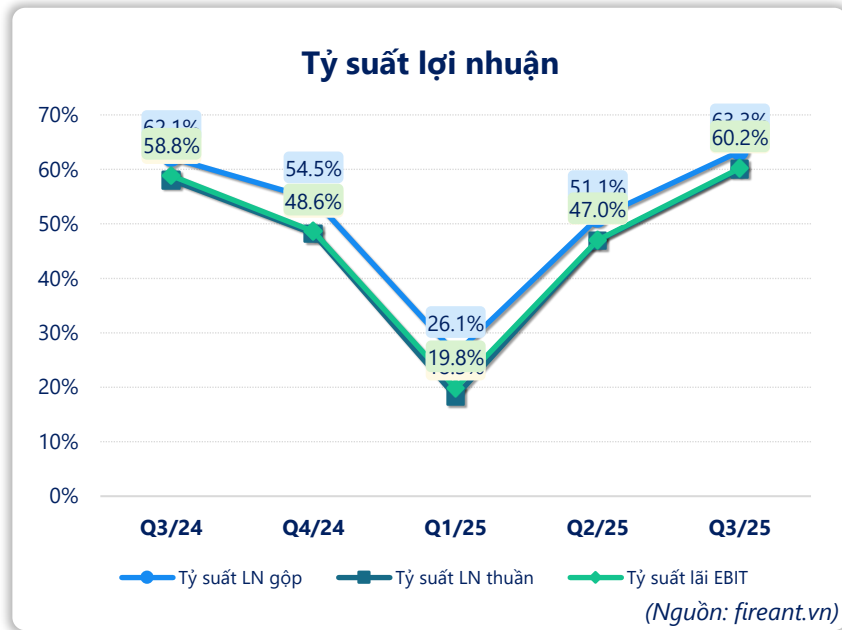
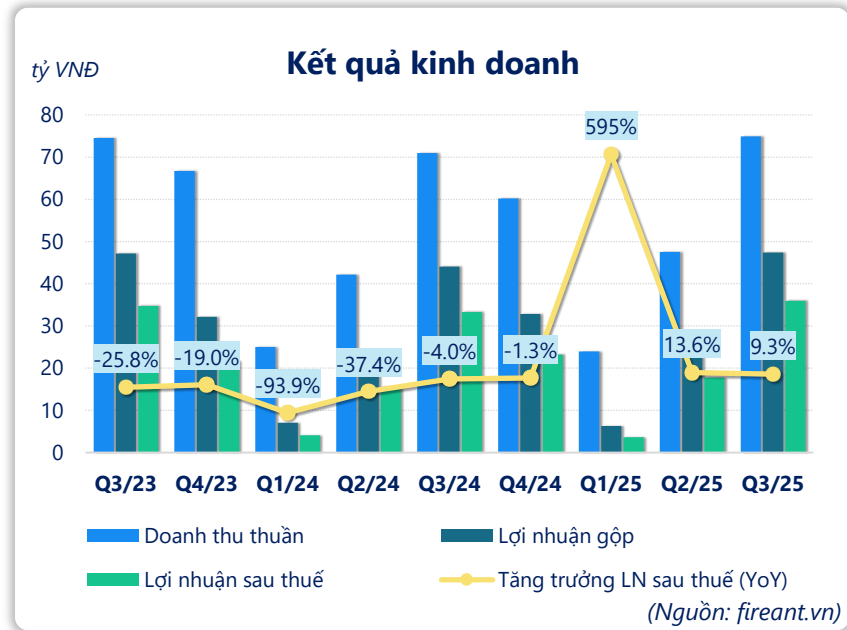


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,130
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,792
SL cổ phiếu LH		45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,915
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,193
P/E		14.8
EPS		1,790

	YTD	1T	3T	6T
ISH	13.4%	0.0%	0.6%	-1.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	607	633	-4.2%
Tài sản ngắn hạn	91.5	90.8	0.8%
Tiền và tương đương tiền	2.07	8.95	-76.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.3	40.0	-26.8%
Phải thu ngắn hạn	52.2	34.1	53.2%
Hàng tồn kho	7.83	7.74	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.05	152%
Tài sản dài hạn	515	542	-5.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	352	375	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.60	1.47	9.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	162	166	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.9	37.8	21.6%
Nợ ngắn hạn	45.9	37.8	21.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.0	16.4	22.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.08	0.16	-47.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	561	595	-5.8%
Vốn chủ sở hữu	561	595	-5.8%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	71.0	60.2	24.0	47.5	74.9
Giá vốn hàng bán	26.9	27.4	17.7	23.3	27.5
Lợi nhuận gộp	44.1	32.8	6.26	24.3	47.4
Doanh thu HĐTC	0.22	0.19	0.74	0.86	0.41
Chi phí TC	0.10	0.15	0.11	0.10	0.16
Chi phí lãi vay	0.10	0.15	0.11	0.10	0.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.00	3.85	2.50	2.75	2.75
LN thuần từ HĐKD	41.2	29.0	4.39	22.3	44.9
Lợi nhuận khác	0.47	0.10	0.25	-0.04	0.01
LN trước thuế	41.7	29.1	4.64	22.3	44.9
Lợi nhuận sau thuế	33.3	23.2	3.68	17.8	35.9
LNST của CĐ cty mẹ	33.3	23.2	3.68	17.8	35.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.8	48.9	18.0	9.96	39.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.45	-39.0	-13.6	38.7	-13.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-45.2	-37.7	-7.62	-41.5	-37.0
Tiền đầu kỳ	43.6	36.8	8.95	5.80	13.0
Lưu chuyển tiền thuần	-6.87	-27.8	-3.15	7.20	-10.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.8	8.95	5.80	13.0	2.07

(Nguồn: fireant.vn)